

TỎ LÒNG

(Thuật hoài)

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

- Cảm nhận được vẻ đẹp của con người thời Trần qua hình tượng trang nam nhi với lí tưởng và nhân cách cao cả ; cảm nhận được vẻ đẹp của thời đại qua hình tượng "ba quân" với sức mạnh và khí thế hào hùng. Vẻ đẹp con người và vẻ đẹp thời đại quyện hòa vào nhau.
- Vận dụng những kiến thức đã học về thơ Đường luật để cảm nhận và phân tích được thành công nghệ thuật của bài thơ : thiên về gợi, bao quát gây ấn tượng, dồn nén cảm xúc, hình ảnh hoành tráng, đạt tới độ súc tích cao, có sức biểu cảm mạnh mẽ.
- Bồi dưỡng nhân cách, sống có lí tưởng, quyết tâm thực hiện lí tưởng.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

a) Đây là bài thơ Đường luật tứ tuyệt viết bằng chữ Hán, vì vậy khi tìm hiểu, phân tích cần lưu ý :

– So sánh nguyên văn chữ Hán và bản dịch để hiểu đúng, hiểu sâu hơn nguyên tác (ở bài thơ này là hai câu thơ đầu).

– Phân tích kết cấu bài thơ Đường luật theo mô hình Kim Thánh Thán đề xuất thì có thể chia làm hai. Ở bài thơ bát cú thì bốn câu trên được gọi là *tiền giải*, bốn câu sau gọi là *hậu giải*. Như vậy, một bài luật thi gồm phần *tiền giải* (thường là sự việc, câu chuyện, cảnh vật) và phần *hậu giải* (thường là cảm nghĩ của tác giả)⁽¹⁾. Không cứ bài bát cú Đường luật mà bài tứ tuyệt nhiều khi cũng có hai phần như thế. Đây là điều mà người giảng có thể vận dụng những thao tác phân tích theo thi pháp thể loại để phân tích một bài thơ Đường luật.

b) Bài *Tỏ lòng* cũng chia thành hai phần khá rõ : hai câu đầu là hình tượng con người và hình tượng quân đội thời Trần, hai câu sau là "nỗi lòng" của tác giả.

(1) Xem thêm Nguyễn Khắc Phi – Trần Đình Sử, *Thi pháp thơ Đường*, NXB Đà Nẵng, 1997.

Bài thơ có liên quan tới "chí làm trai" của trang nam nhi thời phong kiến. Chí làm trai thể hiện một quan niệm sống tích cực : lập công (để lại sự nghiệp), lập danh (để lại tiếng thơm). Công danh được coi là món nợ đời phải trả của kẻ làm trai. Ở bài *Tổ lòng*, chí làm trai vừa mang tư tưởng tích cực của thời trung đại, vừa mang tinh thần dân tộc : sự nghiệp công danh của cá nhân thống nhất với sự nghiệp chung lớn lao – sự nghiệp cứu nước, cứu dân.

2. Trọng tâm bài học

Phân tích hào khí Đông A (hào khí thời Trần) thể hiện ở vẻ đẹp con người và vẻ đẹp thời đại.

– *Vẻ đẹp của con người thời Trần :*

+ Tầm vóc, tư thế, hành động lớn lao, kì vĩ.

+ Chí lớn lập công danh trong sự nghiệp cứu nước, cứu dân. Cái tâm mang giá trị nhân cách, nỗi "thẹn" tôn lên vẻ đẹp con người.

– *Vẻ đẹp thời đại :*

+ Khí thế hào hùng mang tinh thần quyết chiến, quyết thắng.

– *Thành công nghệ thuật của bài thơ :*

+ Thủ pháp gợi, thiên về ấn tượng bao quát, đạt tới độ súc tích cao.

+ Bút pháp nghệ thuật hoành tráng có tính sử thi với hình tượng thơ lớn lao, kì vĩ.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

a) Hướng dẫn HS chuẩn bị bài ở nhà :

– Trên cơ sở đọc phần dịch nghĩa và phần dịch thơ, HS tự phát hiện những điểm khác nhau giữa nguyên văn chữ Hán và bản dịch để hiểu bài thơ sâu sắc hơn.

– HS đọc kĩ chủ thích để tìm hiểu câu thơ thứ hai, tự lựa chọn cách hiểu hợp lí.

b) GV giảng trên lớp :

– Kết hợp việc giảng bài thơ với tạo không khí lịch sử, tạo mối liên hệ giữa hình tượng trang nam nhi với hình tượng người anh hùng Phạm Ngũ Lão (có thể kể ngắn gọn một vài chiến công lịch sử thời Trần, một vài chi tiết về Phạm Ngũ Lão mà sách còn ghi chép lại).

– Trong khi giảng kết hợp phát vấn, đặt câu hỏi để HS phát hiện trọng tâm, những yếu tố then chốt của bài thơ : hình ảnh con người cầm ngang ngọn giáo trấn giữ non sông đã mấy thu, hình ảnh ba quân với sức mạnh, khí thế nuốt trời trâu, nỗi "thẹn" có giá trị nhân cách lớn lao.

– Khoi gợi để HS tự liên hệ với bản thân, có ý thức tu dưỡng nhân cách, sống có hoài bão, có quyết tâm thực hiện hoài bão.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Gọi HS đọc bài thơ (phần phiên âm và phần dịch thơ). Chú ý đọc diễn cảm : tự tin, tâm huyết, mạnh mẽ.

b) GV giảng hai câu đầu. Chú ý làm nổi bật vẻ đẹp kì vĩ của con người ở câu thơ thứ nhất, khí thế hào hùng của thời đại ở câu thứ hai.

Câu thơ đầu thể hiện vẻ đẹp của con người với tầm vóc, tư thế, hành động lớn lao, kì vĩ :

Múa giáo non sông trải mấy thu

Hai chữ "múa giáo" trong lời dịch chưa thể hiện được hai từ *hoành sóc* của câu thơ chữ Hán : *Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu*. Câu thơ nguyên tác dựng lên hình ảnh con người cầm ngang ngọn giáo (*hoành sóc*) mà trấn giữ đất nước. Cây trường giáo ấy như phải đo bằng chiều ngang của non sông. Con người xuất hiện với một tư thế hiên ngang mang tầm vóc vũ trụ. Con người kì vĩ như át cả không gian bao la. Làm nổi bật hình ảnh con người kì vĩ là một bối cảnh không gian, thời gian kì vĩ. Không gian mở ra theo chiều rộng của núi sông. Thời gian đâu phải là chốc lát mà là mấy năm rồi (khắp kỉ thu).

Trong câu thơ thứ hai, hình ảnh "ba quân" là hình ảnh nói về quân đội nhà Trần nhưng đồng thời tượng trưng cho sức mạnh dân tộc. Thủ pháp nghệ thuật so sánh vừa cụ thể hoá sức mạnh vật chất của ba quân vừa hướng tới sự khái quát hoá sức mạnh tinh thần của đội quân mang "hào khí Đông A" (Ba quân như hổ báo, khí thế hùng dũng nuốt trôi trâu). Câu thơ gây ấn tượng mạnh bởi sự kết hợp giữa hình ảnh khách quan và cảm nhận chủ quan, giữa hiện thực và lãng mạn.

– GV giảng hai câu thơ cuối, chú ý làm nổi bật cái chí, cái tâm của người anh hùng.

Chí ở đây là chí làm trai mang tinh thần, tư tưởng tích cực : lập công (để lại sự nghiệp), lập danh (để lại tiếng thơm). Quan niệm lập công danh đã trở thành lí tưởng sống của trang nam nhi thời phong kiến. Sau này Nguyễn Công Trứ cũng khẳng định :

Đã mang tiếng ở trong trời đất

Phải có danh gì với núi sông.

Công danh được coi là món nợ đòi phải trả của kẻ làm trai. Trả xong nợ công danh có nghĩa là đã hoàn thành nghĩa vụ với đời, với dân, với nước. Chí làm trai ở thời bấy giờ có tác dụng cổ vũ con người từ bỏ lối sống tầm thường, ích kỉ, sẵn sàng hi sinh chiến đấu cho sự nghiệp lớn lao – sự nghiệp cứu nước, cứu dân để cùng trời

đất "muôn đời bất hủ". Đặt trong hoàn cảnh lịch sử, xã hội lúc đó, chí làm trai có nội dung tích cực và có tác dụng to lớn.

Khi phân tích chí lớn của trang nam nhi có thể liên hệ với câu chuyện về Phạm Ngũ Lão để HS hiểu sâu sắc hơn về vẻ đẹp người anh hùng (chuyện Phạm Ngũ Lão ngồi đan sọt, mải suy nghĩ không tránh đường cho đội quân của Trần Quốc Tuấn đi qua. Quân lính lấy giáo đâm vào đùi mà Phạm Ngũ Lão không hay biết. Qua sự việc này Trần Quốc Tuấn rất cảm phục, thu nhận Phạm Ngũ Lão làm gia khách).

Khi giảng về cái *tâm* của người anh hùng Phạm Ngũ Lão, cần lưu ý : Cái *tâm* thể hiện qua nỗi "thẹn". Phạm Ngũ Lão "thẹn" chưa có tài mưu lược lớn như Vũ hầu Gia Cát Lượng đời Hán để trừ giặc, cứu nước. Xưa nay, những người có nhân cách vẫn thường mang trong mình nỗi thẹn. Nguyễn Khuyến trong bài *Thu vịnh* từng bày tỏ nỗi thẹn khi nghĩ tới Đào Tiềm – một danh sĩ cao khiết đời Tấn. Đó là nỗi thẹn của con người có nhân cách. Trong bài *Tỏ lòng*, Phạm Ngũ Lão thẹn là vì chưa trả xong nợ nước. Nỗi thẹn như vậy không làm con người thấp bé đi, mà trái lại nâng cao nhân cách con người.

3. Củng cố bài học

- Về nội dung : HS phát biểu cảm nhận về vẻ đẹp của con người thời Trần.
- Về nghệ thuật : tính chất hàm súc cô đọng của bài thơ Đường luật, bút pháp nghệ thuật hoành tráng có tính sử thi, hình ảnh giàu sức biểu cảm của *Tỏ lòng*.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

HS đọc diễn cảm bài thơ, học thuộc bài thơ (bản phiên âm và bản dịch).

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Băng Thanh, *Thuật hoài*, trong *Giảng văn văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
2. Lã Nhâm Thìn, *Thuật hoài*, trong *Phân tích, bình giảng tác phẩm văn học 10*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.